

Bản án số: 149/2025/HS-PT
Ngày 15-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thuý Hà;

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bé Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2025/TLPT-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Thị H; do có kháng cáo của bị cáo Vũ Thị H, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), thành phố Hải Phòng.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Vũ Thị H, sinh ngày 21/7/1996 tại Hải Phòng; ĐKTT: Số 23/11/35, A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số C, đường L, P, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng Đ (đã chết) và bà Đàm Thị H1; có chồng là Lê Hoàng S (đã ly hôn); có hai con: Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/9/2024; có mặt.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần P1; địa chỉ: Số E B, chung cư H, phường H, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn H2, Phó giám đốc (Văn bản ủy quyền số 0103/2025 ngày 31/3/2025); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần P1 (gọi tắt là Công ty P1) có ngành nghề kinh doanh sản xuất bê tông thương phẩm, có ký Hợp đồng lao động số HDLD/DC/23-0303 ngày 01/3/2023 với Vũ Thị H; loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn; địa điểm

làm việc tại Trạm trộn bê tông Khu công nghiệp N (chân C, quận H); việc làm là cán bộ kinh doanh (trước đó là cộng tác viên kinh doanh); nội dung công việc là: Tìm kiếm khách hàng, chịu trách nhiệm về toàn bộ công nợ của khách hàng mình tìm kiếm trước công ty và pháp luật; hoàn thiện và theo dõi việc ký kết và thực hiện hợp đồng của mình phụ trách đối với hợp đồng khách ký trực tiếp với công ty và hợp đồng khách hàng cá nhân ký trực tiếp với nhân viên kinh doanh; lập kế hoạch bán hàng, phối hợp với khối sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, cùng với các khối sản xuất, tài chính để lập kế hoạch kinh doanh thu hồi nợ. Thời gian thu hồi công nợ đối với khách lẻ (khách hàng cá nhân) là 28 ngày kể từ ngày cấp bê tông, hợp đồng công ty ký trực tiếp khách hàng và cá nhân nhân viên kinh doanh.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2023, H phụ trách giao bê tông và thu tiền hàng của một số khách hàng. Sau khi giao nhận xong bê tông, H yêu cầu khách hàng ký nhận vào các phiếu xuất - giao bê tông và nộp về công ty. Ngoài ra, H giao cho khách giấy thông báo công nợ tương ứng với số lượng bê tông và số tiền khách hàng cần trả cho Công ty. Căn cứ vào thông báo công nợ các khách hàng đều trả tiền mặt hoặc chuyển khoản cho H ngay hoặc thanh toán từ 01 (một) đến 02 (hai) ngày sau. Tuy nhiên, H chỉ chuyển về cho công ty số tiền hàng của một số đơn hàng, còn một số đơn hàng khác H đều nói với Công ty là chưa thu được tiền của khách hàng. Tổng số tiền H đã thu được của khách hàng là 562.297.500 đồng, số tiền H đã nộp về công ty là 256.598.500 đồng. Còn lại số tiền 305.699.000 đồng H đã không nộp về công ty mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể số tiền 305.699.000 đồng là của 06 (sáu) khách hàng với 13 (mười ba) đơn hàng như sau:

1. Anh Bùi Mạnh D (địa chỉ: 2 D, phường D, L, Hải Phòng) có 01 đơn hàng ngày 16/01/2023, số tiền 45.045.000 đồng.

2. Anh Vũ Điều P (địa chỉ: Thôn H, xóm N, M, T, Hải Phòng) có 02 đơn hàng: Ngày 05/3/2023, số tiền 31.900.000 đồng và ngày 28/5/2023, số tiền 20.500.000 đồng.

3. Anh Phạm Văn M (địa chỉ: I Hồ S, D, L, Hải Phòng) có 05 đơn hàng: Ngày 13/3/2023, số tiền 23.487.500 đồng; ngày 17/4/2023, số tiền 14.537.500 đồng; ngày 25/4/2023, số tiền 15.072.500 đồng; ngày 07/5/2023, số tiền 15.572.500 đồng và ngày 24/5/2023, số tiền 15.600.000 đồng.

4. Anh Vũ Đình T và anh Vũ Xuân T1 (đều ở thôn D, M, T, Hải Phòng) có 01 đơn hàng vào ngày 20/5/2023, số tiền 42.750.000 đồng.

5. Anh Phan Văn H3 (địa chỉ: H, B, A, Hải Phòng) có 03 đơn hàng: Ngày 11/3/2023, số tiền 21.044.000 đồng; ngày 17/3/2023, số tiền 17.340.000 đồng và ngày 06/5/2023, số tiền 7.450.000 đồng.

6. Anh Trần Văn C (địa chỉ: Thôn A, M, T, Hải Phòng) có 01 đơn hàng ngày 25/3/2023, số tiền 35.400.000 đồng.

Do lâu không thấy H hoàn thành công nợ nên Công ty P1 đã chủ động liên hệ với các khách hàng trên thì đều được các khách hàng xác nhận đã nhận được đủ số lượng bê tông và đã thanh toán đủ tiền cho H nên Công ty đã trình báo sự việc nêu trên với Cơ quan Công an.

Tiến hành giám định chữ viết, chữ ký trên bản Chi tiết công nợ bán bê tông đề ngày 01/7/2023 do Công ty Đất Cảng cung cấp cho Cơ quan điều tra là chữ viết, chữ ký của Vũ Thị H.

Về vật chứng và bồi thường dân sự: Công ty P1 yêu cầu Vũ Thị H phải trả lại số tiền 305.699.000 đồng mà H đã chiếm đoạt. H đã trả cho Công ty được 126.000.000 đồng, còn lại số tiền 179.699.000 đồng H chưa trả được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST, ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị H phạm tội "Tham ô tài sản". Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị H 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về bồi thường dân sự; xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2025 bị cáo Vũ Thị H nộp đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ về hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thị H về tội "Tham ô tài sản", theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo Vũ Thị H 10 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

Về án phí: Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 31/3/2025 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3) xét xử sơ thẩm; tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị H có mặt. Ngày 14/4/2025 bị cáo H nộp đơn kháng cáo là vẫn còn trong thời hạn kháng cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Vũ Thị H về tội "Tham ô tài sản", theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo về tội danh và các tình tiết định khung hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ về hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo Vũ Thị H 10 (Mười) năm tù là quá nghiêm khắc; bởi lẽ:

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo kinh tế khó khăn; bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ sau khi vợ chồng ly hôn.

[5] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo H giao nộp thêm tài liệu chứng cứ là Phiếu khám thai, đề ngày 23/7/2025 kết luận: Hình ảnh thai 4 - 5 tuần tuổi. Do vậy đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ về hình phạt của bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm; giảm cho bị cáo từ 02 đến 03 năm tù là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt áp dụng đối với bị cáo H.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị H; sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị H.

Căn cứ điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội “Tham ô tài sản”; xử phạt bị cáo Vũ Thị H 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án hoặc bị cáo tự nguyện thi hành án.

Căn cứ Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Vũ Thị H cho đến khi bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Vũ Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 10 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 03 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3, tp Hải Phòng;
- TAND khu vực 3, tp Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 3, tp Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên